

xã hội học trong thời đại ngày nay

ĐỖ THÁI ĐỒNG

Mặc dù muộn màng hơn so với một số ngành khoa học khác, Xã hội học rốt cuộc cũng đã tách ra khỏi triết học để trở thành một ngành khoa học chuyên môn hóa. Với những chuẩn bị khó khăn nhưng cần thiết về lý thuyết và phương pháp kéo dài gần như quá nửa đầu thế kỷ thứ 19, Xã hội học đã ra đời và bước vào thế kỷ 20 như một mũi nhọn của các khoa học về xã hội, một công cụ sắc bén để phân tích và lý giải đời sống phức tạp và nhiều vẻ của con người. Người ta đã tiến hành hàng loạt những công trình nghiên cứu thực nghiệm và nghiên cứu ứng dụng về xã hội - một điều không thể tưởng tượng được trong khoa học nhân văn trước kia. Những công trình ấy mở rộng nguồn tri thức cụ thể về xã hội, đem tri thức ấy áp dụng có hiệu quả vào việc quản lý các hiện tượng và quá trình của đời sống. Đội ngũ các nhà xã hội học, các sinh viên được đào tạo chuyên ngành về xã hội học tăng lên nhanh chóng ở hầu hết các quốc gia. Tháng 8 năm 1982, Đại hội Xã hội học thế giới đã họp đến kỳ thứ X với 4000 chuyên gia từ các nước tới Mêhicô để trao đổi kết quả và kinh nghiệm nghiên cứu. Các nhà xã hội học Việt Nam từ năm 1981 đã tham gia Hội Xã hội học quốc tế (I.S.A) với tư cách thành viên chính thức của tổ chức này.

1. Từ triết học xã hội đến xã hội học

Sự khởi đầu khó khăn nhất của xã hội học vào cuối thế kỷ thứ 18, đầu thế kỷ 19 là phải vượt qua truyền thống tư biện của triết học xã hội hay triết học lịch sử đang thống trị những tư duy về xã hội thời bấy giờ.

Trong khi các khoa học tự nhiên lần lượt tách ra khỏi triết học và khai thông con đường thực nghiệm để đạt tới những thành tựu rực rỡ, nhất là trong vật lý học và sinh học, thì khoa học xã hội nói chung vẫn còn ở trong tình trạng trì trệ của tư duy tư biện. Ngay cả các nhà khai sáng Pháp, rồi đến các nhà triết học cổ điển Đức cũng không sao rút chân ra khỏi phương pháp tư duy truyền thống, lấy suy điều và phỏng đoán thay cho việc quan sát, thu thập và lý giải các hiện tượng xã hội một cách khoa học. Tình trạng ấy cản trở sự phát triển của khoa học xã hội nói chung và xã hội học nói riêng. Saint - Simon đã sớm nhận ra rằng phải làm sao cho khoa học về con người thoát khỏi tình trạng chỉ là ((khoa học phỏng đoán)) để ((nâng lên ngang tầm những khoa học dựa trên cơ sở sự quan sát)). Những khái niệm tiên nghiệm về xã hội tỏ ra vô dụng khi người ta phải đụng chạm đến những vấn đề sôi động về di chuyển dân cư về thành thị hóa, về xung đột giai cấp, về sự tan rã và đổi mới nhanh chóng nhiều thiết chế cổ truyền... Để tìm ra nghiệm số cho những vấn đề ấy, người ta không thể trông mong ở sự vũ đoán triết học mà phải mở con đường mới như đã từng được mở ra ở các ngành tự nhiên học. Không phải ngẫu nhiên mà Auguste Comte, người đầu tiên đưa ra danh từ Xã hội học (Sociologie), đã coi đây là môn vật lý học về xã hội. Tuy nhiên, ngay cả A. Comte cũng chỉ là người diễn đạt hùng hồn hơn sự đòi hỏi có những phương pháp độc đáo cho Xã hội học chứ chưa phải thực tế khai thông cho những phương pháp đó. Với lập trường thực chứng chủ nghĩa - đối lập nghiên cứu hiện tượng với nghiên cứu bản chất, coi sự kiện xã hội chỉ là những hiện tượng tinh thần và đạo đức xuất phát từ hành động cá nhân. A. comte cũng không sao đưa xã hội học ra khỏi cái mê cung triết học tư biện. Với ông sự chuyển biến của xã hội vẫn không ngoài sự chuyển biến của ý niệm, tuy có thể quan sát biểu hiện của nó qua hiện tượng xã hội nhưng không thể đưa nhận thức vượt tới cái bản chất bên trong.

Dưới khẩu hiệu ((thực chứng chủ nghĩa)), nhiều trường phái xã hội học thế kỷ thứ 19 đã đi vào con đường mò mẫm, nó vay mượn phương pháp của các khoa học khác để khoác chiếc áo thời thượng kiểu ((thực nghiệm)) hơn là tìm lấy cách tiếp cận riêng. Người ta vay mượn ở sinh lý học và nhân chủng học quan điểm đi

truyền và lựa chọn giống loài để giải thích các xã hội trong khái niệm ((chủng tộc thượng đẳng và hạ đẳng)). Người ta vay mượn ở khoa địa lý những kết quả nghiên cứu sinh thái nhân văn để đi đến kết luận về ảnh hưởng quyết định của môi trường địa lý vào xã hội. Thuyết tiến hoá của Darwin được vay mượn để cắt nghĩa những biến đổi lịch sử và mô tả tính cách hữu cơ của xã hội tương tự cơ thể của sinh vật. Học thuyết nhân khẩu của Malthus đã có tham vọng cắt nghĩa mọi xung đột xã hội qua sự tăng giảm dân số... Cùng với sự hỗn loạn về phương pháp luận như vậy, kỹ thuật trắc nghiệm (test) cũng bị lạm dụng để đo lường phẩm chất và chiều hướng phát triển của con người.

Đương nhiên, bên cạnh những sai lầm ấy còn cần phải kể đến những bước tiến của một số ngành khoa học đã thật sự chuẩn bị cho sự ra đời của Xã hội học. Do nhu cầu của đời sống, các khoa học xã hội đã thực hiện dần dần sự phân ngành ở cuối thế kỷ thứ 19 đầu thế kỷ thứ 20: Kinh tế học, sử học, dân tộc học, luật học đã tách ra với lĩnh vực nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu ngày càng hoàn thiện. Kinh tế học đã sử dụng rộng rãi các cứ liệu thống kê, Dân tộc học đã tích lũy những tài liệu phong phú qua sự so sánh các cấu trúc xã hội và các nền văn hoá. Sử học đã phát hiện cách nhìn lịch sử trong tính liên tục và sự tác động của nhiều nguyên nhân. Trong khi ấy, lý thuyết xác suất và kỹ thuật thống kê đã bước đầu được sử dụng thích hợp cho việc xử lý các hiện tượng xã hội. Tất cả những nỗ lực ấy đều có cái chung là hướng công việc nghiên cứu đi vào thực tế, tìm hiểu và tích lũy tài liệu trong thực tế.

Học thuyết của K. Marx đã đánh dấu sự cáo chung triệt để của truyền thống triết học tư biện về lịch sử và thật sự mở đường cho xã hội học trở thành một khoa học chân chính. Khác với những cách tư duy trừu tượng loay xoay quanh câu hỏi xã hội học ra gì, tiến bộ xã hội là gì, Mart đã đi thẳng vào một hình thái xã hội cụ thể, đó là hình thái tư bản chủ nghĩa để phân tích nó. Khác với cách suy diễn bằng những khái niệm tiên nghiệm, Marx đã sử dụng trong các công trình của mình tất cả những phương pháp khoa học đã có - phân tích thống kê, bảng câu hỏi, số liệu các cuộc điều tra dân số, tài liệu điều tra các công xưởng, những khái quát lịch sử so sánh... Khái niệm *các quan hệ xã hội* đã tiến triển ngày càng cụ thể qua mọi công trình của Marx để dẫn tới khái niệm quan hệ sản xuất làm nền tảng giải thích mọi quan hệ khác giữa người và người. Khái niệm ấy đã cho phép cải tạo tất cả hệ khái niệm đã có trước kia, chuyển chúng thành những khái niệm phân tích khả dĩ ứng dụng cụ thể vào công việc nghiên cứu. Cuối cùng, Marx đi đến một hệ thống khái niệm hoàn chỉnh về xã hội như một tổng thể và đưa ra đọc thuyết *hình thái kinh tế - xã hội* làm khung lý thuyết chung cho các khoa học xã hội.

Lê nin nói rằng quan điểm duy vật về lịch sử lần đầu tiên tạo ra khả năng cho một xã hội học khoa học. Nó là phương pháp luận triết học của khoa học xã hội cung cấp cho khoa học xã hội một giả thuyết đã được kiểm nghiệm trở thành phương pháp luận duy nhất khoa học để phân tích các hình thái kinh tế xã hội khác nhau ở các thời đại lịch sử khác nhau. Nó hoàn toàn không có tham vọng ôm lấy tất cả trận địa của các ngành khoa học xã hội cụ thể và đưa mọi phương pháp nghiên cứu cụ thể. Đúng như Lênin đã nói, chủ nghĩa duy vật lịch sử không bao giờ đề ra cho mình nhiệm vụ giải thích tất cả quá khứ, tương lai, mọi thời điểm, mọi vấn đề, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nó chỉ có ý muốn vạch ra một phương pháp duy nhất khoa học và hoàn toàn tự nhiên là phải đem phương pháp đó áp dụng vào việc nghiên cứu đời sống xã hội trong những khung cảnh thời gian và không gian khác nhau. Chủ nghĩa duy vật lịch sử không thủ tiêu bất cứ một lĩnh vực khoa học xã hội cụ thể nào. Trong khi đưa ra phương pháp luận triết học đúng đắn nhất cho các khoa học ấy, nó cũng thường xuyên thu hút các thành tựu của các khoa học khác làm phong phú nội dung và tầm mức bao quát của mình. Chính Marx đã nêu tấm gương về việc áp dụng cụ thể chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc phân tích những phong trào những cuộc xung đột, những sự kiện và những vai trò cụ thể trên sân khấu lịch sử. Trong các tác phẩm như ((Đấu tranh giai cấp ở Pháp)), ((ngày 18 tháng sương mù của Louis Bonaparte)), Marx đã phân tích các sự kiện xã hội dựa trên các quan hệ sản xuất, quan hệ giai cấp quy định chiều hướng cơ bản của các sự kiện ấy. Đồng thời, Marx cũng chú ý phân tích một cách tinh vi ảnh hưởng của các quan hệ cá nhân, nhóm và cả đến những quan hệ tư tưởng và tâm lý của người ta. Bằng cách ấy, Marx đã đứng vào hàng tiên phong trong sự sáng lập một nền xã hội học khoa học.

Việc xã hội học tách ra khỏi triết học là một bước tiến bộ của tri thức khoa học ngày càng có xu thế chuyên

sâu. Điều này tuyệt đối không đưa tới sự đối lập hai ngành khoa học ấy. Các khoa học đã từng tách ra khỏi triết học mà không làm tổn hại đến triết học, trái lại chúng cung cấp cho tư duy triết học một khối lượng tri thức cực kỳ phong phú để tiến hành các khái quát của mình. Nếu không có những tri thức ấy thì triết học căn bản không thể thoát ra khỏi truyền thống tư biện được. Mặt khác, bất kể là có ý thức hay không ý thức, các nhà khoa học trong các lĩnh vực chuyên ngành mỗi khi đụng chạm đến những vấn đề quan hệ giữa cái cục bộ và cái chỉnh thể của thế giới đều phải xác định lập trường phương pháp luận triết học của họ. Triết học mac-xít và xã hội học mac-xít khác nhau về đối tượng và phương pháp nghiên cứu nhưng đồng nhất trên nhiệm vụ nhận thức và cải tạo xã hội. Sự giải thích tổng quát về lịch sử luôn luôn là nhiệm vụ của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Điều này không loại trừ mà còn mở đường cho việc tìm kiếm những giải thích lịch sử cụ thể các vấn đề xã hội khác nhau.

2. xã hội học mac - xít và sự phát triển của nó trong các nước xã hội chủ nghĩa.

Con đường phát triển của xã hội học mac-xít là con đường cụ thể hóa và làm phong phú hệ vấn đề cơ bản mà chủ nghĩa duy vật lịch sử đã nêu lên, trả lời những vấn đề cụ thể trong các thời điểm khác nhau và hoàn cảnh khác nhau của xã hội. Đồng thời, đó cũng là con đường xã hội học hóa các khoa học xã hội giáp ranh với nó, trước hết là các khoa học kinh tế và các khoa học quản lý xã hội. Trên con đường đó, tất nhiên nó được tiếp tục phân ngành nhỏ hơn thành những lĩnh vực xã hội học chuyên biệt mà đối tượng tùy thuộc vào phạm vi và giới hạn vấn đề của mỗi lĩnh vực nghiên cứu. Người ta đã biết đến những bộ môn xã hội học chuyên biệt như: xã hội học gia đình, xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn, xã hội học quản lý xã hội, xã hội học lối sống và văn hóa, xã hội học về cơ cấu xã hội, xã hội học dân số, xã hội học tội phạm v.v... và trong bất cứ cấp độ nào, xã hội học mac-xít cũng gắn một cánh hữu cơ việc nghiên cứu các quan hệ xã hội từ xã hội vi mô đến xã hội vĩ mô và ngược lại.

Về mặt phương pháp xã hội học mac-xít sử dụng rộng rãi phương pháp nghiên cứu kinh nghiệm (recherche empirique), tiến hành các công trình nghiên cứu xã hội học kinh nghiệm. Trong các công trình ấy để có thể tiếp cận xã hội từ nhiều góc độ khác nhau của nó, xã hội học sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp và kỹ thuật cụ thể để quan sát, mô tả, phân loại và lý giải các hiện tượng. Nó sử dụng các phương pháp toán học trong việc thu thập và xử lý thông tin. Một công cụ mà xã hội học sử dụng thường xuyên là các cuộc điều tra thăm dò bằng phỏng vấn trực tiếp và qua bảng câu hỏi. Do mối liên quan chặt chẽ với các ngành khoa học khác, các nhà xã hội học ngày càng sử dụng rộng rãi các phương pháp nghiên cứu liên ngành. Xã hội học trong các nước xã hội chủ nghĩa được phát triển do nhu cầu thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Ngay từ năm 1918 Lê nin đã viết: ((...một trong những nhiệm vụ hàng đầu trước mắt là tiến hành một loạt nghiên cứu xã hội)). Việc kế hoạch hóa và quản lý xã hội đòi hỏi phải thu thập thông tin nhiều mặt về các quá trình xã hội, tiến hành những thử nghiệm xã hội kỹ càng và những dự báo xã hội dài hạn. Ở Liên Xô, các nhà xã hội học xô viết đã bắt đầu những công trình nghiên cứu cụ thể về điều kiện lao động và sinh hoạt của nhân dân, về ngân sách thời gian tự do của người lao động, về hôn nhân và gia đình, về quá trình biến đổi dân số v.v... Các nhà xã hội học Xô viết đã nỗ lực khắc phục những ảnh hưởng tai hại của phương pháp giáo điều hết sức xa lạ với truyền thống mac-xít. Có những người muốn tìm ra những lời giải đáp quá dễ dàng cho các vấn đề cụ thể bằng cách suy diễn từ những chân lý chung chung. Người ta đưa ra những luận văn với các đề tài ((to lớn)) nhưng không có lấy một số liệu, tài liệu xác thực cụ thể nào. Chẳng hạn, những đề tài về ((khắc phục sự khác nhau căn bản giữa lao động trí óc và lao động chân tay)), ((khắc phục sự đối lập thành thị và nông thôn)), ((biến lao động thành nhu cầu của con người)), ((hình thành quan hệ cộng sản chủ nghĩa trong lao động)) v.v ... Dưới những công thức sẵn có ấy là những lời giảng thuyết chung chung những lý lẽ mà người ta có thể lặp lại hàng trăm lần ở bất cứ lúc nào, nơi nào đều được cả. Nếu công việc của các nhà nghiên cứu chỉ là thuyết minh những chân lý sẵn có thì phỏng có ích gì? Đảng cộng sản Liên Xô đòi hỏi phải kiên quyết khắc phục những sai lầm đó. Vào những năm 60, xã hội học tiến bộ nhanh chóng ở Liên Xô và ở các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Xã hội học mac-xít đang mở rộng phạm vi hoạt động của mình trên những vấn đề lý luận và thực tiễn to lớn. Công cuộc nghiên cứu về cơ cấu xã hội đang vạch ra những biến đổi cụ thể về thành phần giai cấp nghề

nghiệp của dân cư và chỉ ra con đường làm xích lại gần nhau của các tầng lớp xã hội. Xã hội học quản lý tập trung nghiên cứu vai trò và phương thức hoạt động của Nhà nước, của cơ chế quản lý và những biện pháp nâng cao tính tích cực xã hội của nhân dân. Xã hội học lao động vạch ra tác dụng của các phương thức kích thích vật chất và tinh thần để nâng cao năng suất và củng cố kỷ luật lao động. Xã hội học đô thị nghiên cứu đặc trưng của cấu trúc đô thị, các phương pháp tổ chức tối ưu đời sống của dân cư đô thị, khắc phục khắc phục những hậu quả tiêu cực do lối sống tập trung ở đô thị đẻ ra. Những công cuộc nghiên cứu về hôn nhân và gia đình, về địa vị của người phụ nữ, về sự phối hợp giáo dục xã hội và gia đình đối với trẻ em đang làm sáng tỏ các quan hệ và các chức năng của gia đình mới. Người ta đã tiến hành nghiên cứu có hệ thống những hiệu quả của việc phổ biến và áp dụng pháp chế xã hội chủ nghĩa trong nhân dân, những cách thức nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật và tạo thành thói quen trong hành vi của con người. Những công cuộc nghiên cứu tổng hợp về lối sống cho phép làm sáng tỏ phương thức sinh sống của con người trong chủ nghĩa xã hội kết hợp hài hòa cá nhân và tập thể, sử dụng hợp lý các phúc lợi công cộng điều chỉnh các dịch vụ xã hội để nâng cao và hoàn thiện phong cách xã hội chủ nghĩa trong sinh hoạt hàng ngày. Trong những năm gần đây, các nhà bác học Xô viết đã thực hiện những nỗ lực to lớn để tiến hành những dự báo dài hạn về các biến đổi trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, kết hợp chặt chẽ các kế hoạch phát triển kinh tế với kế hoạch phát triển xã hội, đưa ra những chương trình phát triển kinh tế - xã hội từ cấp độ xí nghiệp, nông trường đến cấp độ quốc gia. Ngày nay ở Liên Xô, các chuyên gia xã hội học đã có mặt trong hàng ngàn cơ sở sản xuất và văn hóa. Nhiều công trình nghiên cứu xã hội học ứng dụng đã được thực hiện bằng hợp đồng khoa học giữa các nhà xã hội học với các bộ, các ngành, các địa phương.

Xã hội học cũng phát triển mạnh mẽ trong các nước xã hội chủ nghĩa khác. Ở Bungari, Bộ chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng thường xuyên quan tâm đến việc tổ chức các công trình nghiên cứu xã hội học thực nghiệm để thu thập thông tin xã hội phục vụ kịp thời cho việc cụ thể hoá đường lối chính sách và làm công tác lãnh đạo của mình thêm sắc bén. Các nhà xã hội học Bungari đã hoàn thành những công trình nghiên cứu qui mô quốc gia về sự thay đổi của ý thức tôn giáo trong quần chúng, về chuyển biến của nông thôn sang sản xuất lớn, về sự hợp lý hóa hệ thống quản lý nhà nước và quản lý đời sống công cộng. Trên bình diện lý luận, các nhà xã hội học Bungari đã đi đến khái quát quan trọng về cơ cấu xã hội, về hoạt động của các hệ thống xã hội về sự tương tác giữa hành vi của cá nhân và xã hội. Viện xã hội học Bungari ở Xôphia là một trung tâm nghiên cứu lớn có những chuyên gia đồng thời là nhà hoạt động cấp cao của Đảng và Nhà nước.

Ở Cộng hoà dân chủ Đức, những vấn đề xã hội của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, những vấn đề sôi động của tầng lớp thanh niên đã nói lên trong nhiều công trình nghiên cứu xã hội học. Ba lan là nước có nhiều kinh nghiệm về xã hội học của quá trình công nghiệp hóa và những nghiên cứu ứng dụng thiết thực. Tiệp khắc và Hunggari chú trọng những phát triển, những nghiên cứu về cơ cấu xã hội, về thái độ lao động và sự phát triển văn hóa của nhân dân.

Các nhà xã hội học của các nước xã hội chủ nghĩa đang tiến hành những công cuộc hợp tác nghiên cứu, mở ra những khả năng to lớn cho những nghiên cứu so sánh quốc tế. Chương trình nghiên cứu chung của giới xã hội học các nước xã hội chủ nghĩa về lối sống, về hôn nhân và gia đình, về các khía cạnh xã hội của lao động đang được xúc tiến mạnh mẽ.

Trường phái mác-xít ngày càng mở rộng ảnh hưởng của mình trong giới xã hội học quốc tế cả về lý luận lẫn phương pháp nghiên cứu. Nó thu hút sự chú ý rộng rãi của các nhà xã hội học tiến bộ ở các nước nhất là ở các nước thế giới thứ ba.

3. xã hội học tư sản và sự khủng hoảng hiện nay của nó.

Cần phải nhấn mạnh sự khác nhau căn bản giữa xã hội học mác-xít với mọi trường phái xã hội học tư sản, giữa khuynh hướng phát triển xã hội học ở các nước xã hội chủ nghĩa với khuynh hướng của xã hội học ở các nước tư bản chủ nghĩa. Tính thời đại của xã hội học không thể che mờ ánh giai cấp và tính Đảng của nó.

Cuối thế kỷ thứ 19 đầu thế kỷ thứ 20, xã hội học ở các nước tư bản chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các vấn đề kinh tế, xã hội và chính trị của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ cách mạng công nghiệp và phát triển đô thị. Những bi kịch xã hội của thời kỳ ấy như tình trạng nghèo nàn cùng cực của tầng lớp vô sản, tỷ lệ tử vong đột nhiên cao lên, các khu nhà ổ chuột, lao động bị bóc lột và lạm dụng, nhất là đối với phụ nữ và trẻ em, sự đòi hỏi của bộ máy quan liêu... đã buộc người ta phải từ bỏ những ảo tưởng đối với chủ nghĩa tư sản. Bản thân giai cấp tư sản cũng phải tìm cách đối phó với tình trạng trên đây để bảo vệ trật tự tư sản. Chính trong bối cảnh đó, xã hội học tư sản đã phát triển, mong tìm giải pháp cho những vấn đề bức bách ấy. Từ địa bàn triết học tư biện, các nhà xã hội học tư sản đã phải chuyển sang nghiên cứu những vấn đề thực tế. E. Durkheim đã chú trọng đến các ((sự kiện)) xã hội ở bên ngoài cá nhân và quy định hành vi của cá nhân, ông đã phát triển các phương pháp khảo sát có tính chất kinh nghiệm được trình bày trong các cuốn ((Tự sát)) và ((Phân công lao động xã hội)). Nhà xã hội học Đức Max Weber chuyên tâm vào việc giải thích và tìm hiểu hành vi xã hội. Đó là hành vi cá nhân được quy chiếu với những hành vi của người khác. Ông có ý nắm lấy quy luật của hành vi và điều chỉnh nó. M. Weber cũng là người đầu tiên phân tích chế độ quan liêu và tiến hành sự khảo sát xã hội học về đề tài ấy. Cooley đã thúc đẩy các công cuộc nghiên cứu về tâm lý xã hội về đời sống tập thể, về các nhóm xã hội và sinh thái nhân văn. Nhà xã hội học Ý Pareto trình bày xã hội học theo mô hình kinh tế học và tìm cách sử dụng các phương pháp kinh tế học để giải thích hành động của con người. Tommies đã nghiên cứu các quy tắc của hành động có tổ chức mà con người thực hiện, những tập tục liên kết các cá nhân trong các cộng đồng. Đó là một số nhà xã hội học tư sản đã thúc đẩy sự chuyển hướng sang các phương pháp nghiên cứu thực nghiệm.

Tuy nhiên, xã hội học tư sản bị lệ thuộc một cách chặt chẽ vào tư bản tài chính. Các công cuộc nghiên cứu phần lớn phụ thuộc vào các món tiền của các công ty đặt hàng. Những công ty này sử dụng các kết quả nghiên cứu để giải quyết những yêu cầu thực dụng. Xã hội học biến thành một thứ ((kỹ thuật học xã hội)), nó chỉ can thiệp vào các chương trình ứng dụng cục bộ của nhà tư bản mà không hề đụng chạm đến trật tự tư bản nói chung. Các đề tài nghiên cứu xã hội học lao động và nghề nghiệp, về tình hình và khả năng của công nhân, về thị trường và thị hiếu của công chúng đã giúp giai cấp tư sản có các biện pháp nâng cao năng suất lao động, tăng cường bóc lột và đẩy mạnh việc bán hàng. Những nghiên cứu về tâm trạng và dư luận xã hội, về tâm lý quần chúng đã giúp bộ máy tuyên truyền tư sản đánh lạc ý thức, thái độ chính trị của nhân dân.

Tất nhiên, một số học giả tư sản cỡ lớn vẫn theo đuổi các phát kiến lý luận, đưa ra những khung lý thuyết để hướng xã hội học vào việc tìm kiếm những cách giải thích khác nhau cho các vấn đề được cắt dọc về tổ chức xã hội, cơ cấu xã hội, chức năng của các hệ thống, các quá trình v.v... Thuyết tương tác của Hoffman chú trọng tác động qua lại giữa các cá nhân và các nhóm. Thuyết chức năng, của Parsons và Merton đi sâu vào chức năng của các hệ thống tạo thành tính hoàn chỉnh của cơ chế xã hội. Chủ nghĩa cấu trúc đi từ những kết quả nghiên cứu tâm lý học hình thức và ngôn ngữ học sang xã hội học, Lévi-Strauss coi đời sống xã hội như hiện tượng giao tiếp giữa các cá nhân, các nhóm về mọi phương diện, thông qua các giá trị và biểu tượng. Những cố gắng lý luận ấy tuy đạt được một số kết quả trong từng cách tiếp cận về từng mặt cụ thể song vẫn không ra ngoài lập trường chung là thừa nhận sự ổn định của chủ nghĩa tư bản về toàn bộ.

Sự bế tắc về thế giới quan và phương pháp luận khiến xã hội học tư sản không có khả năng nêu lên và giải đáp được những vấn đề lớn nhất của thời đại. Cái trục của những vấn đề ấy là cuộc đấu tranh gay gắt giữa các lực lượng vô sản và tư sản, giữa hai hệ thống xã hội, giữa chủ nghĩa đế quốc và phong trào cách mạng. Tuy đã phát triển và sử dụng nhiều phương pháp điều tra, những kỹ thuật thăm dò và phân tích thống kê hiện đại, xã hội học tư sản vẫn không thể vượt lên khỏi trình độ mô tả, chủ nghĩa kinh nghiệm và các giải thích phiến diện về các vấn đề xã hội rộng lớn. Sự khủng hoảng của xã hội học trong những năm gần đây chứng tỏ sự thất bại của những ảo tưởng thực chứng, duy khoa học, của ý đồ xây dựng một xã hội học ((phi đảng phái)). Ở đâu mà các nhà xã hội học tư sản có tham vọng khái quát những vấn đề thời đại đưa ra những học thuyết xã hội này nọ thì ở đó họ bộc lộ hoàn toàn một thế giới quan phản động và phương pháp luận phản khoa học.

Đó là học thuyết về ((chủ nghĩa tư bản nhân dân)), được quảng cáo rùm beng vào những năm 50 ở nhiều nước phương Tây. Nó được bọn xét lại và cải lương trong phong trào cộng sản quốc tế phụ họa. Học thuyết ấy làm ra vẻ như đã dựa trên những cứ liệu xã hội học để rút ra những nhận xét về sự ((cân bằng)) trong thu nhập,

về ((cuộc cách mạng)) trong chiếm hữu và quản lý tài sản, về sự ((dân chủ hóa)) nhà nước tư sản, về vai trò của ((giai cấp trung gian)), v.v...

Đó là học thuyết về ((xã hội công nghiệp)), ((xã hội hậu công nghiệp)) được phổ biến rộng rãi ở phương tây vào những năm 60. Thuyết này dựa vào sự sắp xếp, đối chiếu và so sánh một cách hình thức chủ nghĩa các cứ liệu thống kê kinh tế và xã hội để chứng minh sự xích lại gần nhau giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, xoá bỏ những đối lập giữa hai chế độ, hai hệ thống thế giới để hình thành một ((xã hội công nghiệp thống nhất)). Thuyết ((xã hội công nghiệp)) của B. Aron, thuyết ((hội tụ)) của Rostow đang truyền bá những quan điểm phản động trực tiếp chống lại chủ nghĩa Mac. Các nhà xã hội học ấy đã khai thác sự thống nhất giả tạo về chỉ số kinh tế, xã hội, văn hóa, lối sống, thị hiếu công chúng v.v... để chứng minh sự đồng nhất về mọi mặt giữa chế độ xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, sự ((phi hệ tư tưởng)), sự xoá bỏ mọi khác biệt ý thức hệ nhường chỗ cho một ((xã hội tiêu thụ)) duy nhất.

Hai mươi năm qua, giới xã hội học tư sản phản động đã ra sức làm nổi bật vai trò của mình, lấp chỗ trống cho sự khủng hoảng của triết học. Họ có tham vọng đem xã hội học thay thế cho triết học. Nhưng sự thật là họ đã làm cho xã hội học ở các nước tư sản đi đến chỗ thoái hóa, trở thành công cụ thuần túy thực dụng chủ nghĩa hoặc trở thành cái loa truyền bá các quan điểm chính trị phản động nhất của chủ nghĩa đế quốc.

4. xã hội học từ thực tiễn xã hội nước ta

Những nhiệm vụ to lớn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và những nhu cầu của cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt hiện nay đòi hỏi xã hội học mác-xít phải chiếm lĩnh những địa hạt nghiên cứu thực tế và lý luận hết sức phong phú. Đối với Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, xã hội học được đặt ở vị trí quan trọng. Nó là khoa học có các phương pháp và kỹ thuật chuyên môn cho phép thu nhập thông tin xã hội, phát hiện tình hình thực tế, gợi lên những giải pháp khác nhau cho các vấn đề xã hội cụ thể. Bởi vì ((chân lý luôn luôn là cụ thể)), và xã hội học phải bắt rễ vào mỗi xã hội cụ thể, mỗi thời điểm lịch sử cụ thể để tiến hành những khảo sát thực tế và khái quát lý luận nhằm đi tới những chân lý ấy.

Xã hội học nước ta xuất phát từ thực tiễn thời kỳ quá độ của hình thái kinh tế - xã hội đang từ nền sản xuất nhỏ sang nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ nhiệm vụ chuyên biến một quốc gia chậm phát triển thành một quốc gia phát triển về mọi mặt, nghị quyết đại hội lần thứ V của Đảng đòi hỏi ((chúng ta phải hiểu đúng và cụ thể hoá đường lối chung và đường lối kinh tế, căn cứ vào đường lối để vạch ra chiều lược kinh tế - xã hội những kế hoạch phát triển, những chủ trương chính sách làm cho cả nước cũng như cho từng ngành, từng lĩnh vực, sát với nhưng điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước, những yêu cầu và khả năng của nhân dân ta trong từng chặng đường))⁽¹⁾.

Các quy luật cụ thể của sự quá độ kinh tế - xã hội và những qui luật về sự phát triển trong thời đại hiện nay là những vấn đề đặt ở trung tâm các công cuộc nghiên cứu triết học, kinh tế học và xã hội học. Tính chất phức hợp của những vấn đề ấy đòi hỏi bức thiết phải có những công trình nghiên cứu liên ngành. Đương nhiên, công cuộc nghiên cứu liên ngành chỉ thật sự có ý nghĩa một khi từng ngành phát triển và sử dụng được cách tiếp cận riêng để lý giải vấn đề từ những góc độ riêng.

Triết học từ lý thuyết mác-xít về hình thái kinh tế - xã hội và sự quá độ của các hình thái ấy đi vào nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa trình độ hiện nay của lực lượng sản xuất và nhu cầu đổi mới các quan hệ sản xuất, giữa cơ sở và kiến trúc thượng tầng, giữa động lực khách quan và điều kiện chủ quan trong sự phát triển. Triết học sẽ đóng vai trò quan trọng về phương pháp luận tổng quát cho các ngành khoa học khác. Nó phát triển và làm rõ các vấn đề nhận thức luận, lôgic học và giá trị học đang tạo thành nội dung sâu sắc của các khái niệm ((quá độ)) và ((phát triển)) ở thời đại hiện nay. Đương nhiên, chỉ riêng cách tiếp cận triết học là không đủ để cụ thể hóa các khái niệm ấy cho phù hợp với hiện thực sinh động của đời sống xã hội. Người ta phải chuyển những khái niệm này vào các công cuộc nghiên cứu kinh tế học.

¹ Văn kiện Đại hội Đảng là thứ V Nxb Sự thật, Hà Nội 1982 T. I trang 49.

Kinh tế học phát hiện các qui luật kinh tế của thời kỳ quá độ, các chỉ số kinh tế của sự phát triển. Mỗi quan hệ giữa các tiềm lực lâu dài và khả năng trước mắt về kinh tế - kỹ thuật, giữa đầu tư và sản xuất, giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa các khu vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ... là đối tượng của các công cuộc nghiên cứu kinh tế chính trị và kinh tế cụ thể. Không có những công cuộc nghiên cứu kinh tế sâu sắc ấy thì không thể phát hiện những chuyển biến cơ bản từ hạ tầng của xã hội, không thể định được chiến lược kinh tế phù hợp với thực tiễn nước ta. Tuy nhiên, phát triển kinh tế, và phát triển xã hội là những mặt thống nhất với nhau. Đảng ta đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ các ngành khoa học xã hội trong việc hoạch định chiến lược kinh tế - xã hội. Chỉ riêng cách tiếp cận kinh tế là không đủ để lý giải ngay cả những vấn đề thuần túy kinh tế chứ chưa nói đến những vấn đề phức hợp của quá trình xây dựng một chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới. Để phê phán cách nhìn kinh tế hẹp hòi đối với các vấn đề phức tạp của xã hội, Plê- khanốp đã có lần nêu lên một nhận xét tinh tế: ((làm sao mà trên cái bộ xương khô khốc của kinh tế lại có thể hình thành cái cơ thể tươi sống của xã hội)). Trong chủ nghĩa xã hội, con người là chủ thể của sản xuất và sản xuất là vì con người. Nhân tố con người cùng với các quan hệ muôn vẻ của nó, lối sống, nền văn hóa, tâm lý, tập quán và truyền thống của nó..., là nhân tố thường xuyên làm thành hoặc sức mạnh hoặc sức ỳ của một nền sản xuất. Bởi thế, cách tiếp cận xã hội học là hết sức cần thiết để bổ sung cho cách tiếp cận triết học và kinh tế học trong sự nhận thức xã hội như một chỉnh thể.

Xã hội học xuất phát từ sự chuyển biến các quan hệ của con người. Hiểu rõ và điều chỉnh các quan hệ ấy như thế nào là vấn đề chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cơ cấu xã hội ở nước ta đang có những thay đổi quan trọng cả về cơ cấu giai cấp, cơ cấu dân cư, cơ cấu nghề nghiệp vv ... Những thay đổi ở cấp độ vĩ mô đó không thể không được phản ánh vào chính sách giai cấp chính sách dân số chính sách phát triển đô thị và nông thôn của chúng ta. Đồng thời, những thay đổi ở cấp độ vĩ mô cũng đang ảnh hưởng hàng ngày đến các quan hệ con người trong các nhóm gia đình, các cộng đồng làng xã, các cộng đồng sắc tộc và tôn giáo vv... Không thể nói đến một chính sách cụ thể về các vấn đề đó nếu không hiểu thực trạng những thay đổi hiện nay ra sao và chiều hướng của nó như thế nào.

Phải nhận rằng, tình hình các thông tin xã hội của chúng ta hiện nay cả về chất lượng và số lượng đều rất yếu kém. Nó thường thiếu sót và không ít sai lạc. Thống kê là công cụ để nhận thức, nhưng độ tin cậy của số liệu thống kê chưa cao. Ngay cả những thống kê có hệ thống hơn cả cũng thường dừng ở trình độ mô tả, chưa đạt đến trình độ phân tích. Thói quen thu thập thông tin để minh họa giản đơn cho một nhận định nào đó chưa được thay thế bằng phương pháp khách quan, khoa học trong việc thu thập các thông tin ấy. Cách đi vào thực tế, tìm hiểu thực tế thường theo lối trực quan, chưa sử dụng được những phương pháp điều tra khoa học. Ở một số nơi, người tổ chức điều tra lại không hiểu phương pháp điều tra, kết quả thu được hết sức sai lạc và do đó làm mất uy tín ngay từ đầu cuộc điều tra ấy. Có rất nhiều lỗi hỏng quan trọng về tài liệu và dữ kiện thống kê trên nhiều vấn đề. Rốt cuộc tác phong làm việc dựa trên sự hiểu biết ((phỏng chừng)) vẫn chưa bị đẩy lùi hẳn bằng những quyết định dựa trên sự hiểu biết xác đáng. Đáng lẽ, nhiều vấn đề cần phải được nghiên cứu bằng các điều tra khoa học trên quy mô cần thiết nhưng bị trở ngại bởi những lý do không đáng kể.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V biểu thị quyết tâm lớn khắc phục nhanh chóng tình trạng ấy. Báo cáo về Xây dựng Đảng tại Đại hội đã chỉ rõ: ((điều cốt yếu để đề ra quyết định chính xác là phải nắm chắc tình hình thực tế, bảo đảm thông tin chính xác. Điều đó đòi hỏi không phải chỉ có sự sâu sát thực tế của cán bộ lãnh đạo mà còn đòi hỏi phải hết sức coi trọng kiện toàn tổ chức đổi mới cách nghiên cứu và nắm tình hình của các cơ quan tham mưu. Các cơ quan nghiên cứu phải tổng hợp tình hình xử lý thông tin để đề ra phương án dựa trên cơ sở thông tin chính xác)) (2)

Xã hội học ở nước ta mới được xây dựng những năm gần đây, song đã bắt đầu xúc tiến các công cuộc điều tra nghiên cứu theo yêu cầu của Nhà nước hoặc hợp tác với các ngành công tác thực tiễn. Cuộc điều tra các khía cạnh xã hội của vấn đề nhà ở đang tiến hành trên quy mô đề tài quốc gia. Cuộc điều tra về hôn nhân và gia đình đang tiến hành nhằm chuẩn bị cho luật hôn nhân và gia đình mới. Cuộc điều tra về lối sống và các hoạt động

2) Văn kiện đi hội Đảng lần thứ V Nxb Sự thật, Hà Nội 1982 Tập III trang 119

thông tin đại chúng đang tiến hành ở một số thành phố và vùng nông thôn quan trọng. Trong các cuộc điều tra ấy, chúng ta đã cố gắng quán triệt yêu cầu của thực tiễn cách mạng, tuân thủ nghiêm túc các thủ tục và phương pháp khóa học. Nhờ vậy, những thông tin thu được có độ chính xác đáng tin cậy, làm rõ nhiều điểm trước đây chúng ta mới có những hiểu biết phỏng chừng. Chúng ta kết hợp trong các cuộc điều tra ấy nhiệm vụ nghiên cứu kinh nghiệm với nhiệm vụ nghiên cứu lý luận, giữa yêu cầu ứng dụng trước mắt và yêu cầu phát hiện các vấn đề có tầm chiến lược lâu dài. Với những cố vũ mạnh mẽ của Đại hội Đảng lần thứ V, với sự hợp tác xã hội chủ nghĩa của các ngành, chúng ta sẽ vượt qua một vài khó khăn trước mắt về nhân lực và tài chính để nhanh chóng phát triển ngành khoa học mới mẻ này, vươn lên đáp ứng được yêu cầu to lớn của cách mạng.

8-1982

